

Theo dấu dòng tiền

# TOP CỔ PHIẾU

— —  
Ngày 26 tháng 03, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư  
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VRC	25/03/2026	13.4	577.700	52.130	11.08
2	TTA	25/03/2026	12.4	4.485.400	584.113	7.68
3	REE	25/03/2026	70.9	3.852.100	1.135.147	3.39
4	PAC	25/03/2026	28	2.518.700	827.107	03.05
5	PPC	25/03/2026	11.15	2.063.200	690.823	2.99
6	MIG	25/03/2026	19.55	1.115.700	383.990	2.91
7	GEG	25/03/2026	17.15	4.316.200	1.675.623	2.58
8	HHS	25/03/2026	12.1	5.339.100	2.132.170	2.5
9	QTP	25/03/2026	14.3	2.466.300	1.000.167	2.47
10	CH	25/03/2026	17.8	28.451.600	12.425.233	2.29
11	HUT	25/03/2026	16.7	4.652.700	2.252.953	02.07
12	CRC	25/03/2026	10.5	4.221.300	2.078.117	2.3
13	HDG	25/03/2026	30.6	5.708.900	2.943.977	1.94
14	BVH	25/03/2026	85.9	1.532.500	837.623	1.83
15	TCH	25/03/2026	16.5	15.023.600	8.417.820	1.78
16	HAG	25/03/2026	15.95	9.797.900	5.540.310	1.77
17	DCL	25/03/2026	56.8	693.300	408.193	1.7
18	CEO	25/03/2026	16.4	17.783.600	10.882.237	1.63
19	NLG	25/03/2026	29.3	6.216.100	3.945.157	1.58
20	GEX	25/03/2026	35.6	14.229.900	9.193.933	1.55
21	IJC	25/03/2026	10.35	3.929.100	2.634.240	1.49
22	HCM	25/03/2026	21.1	15.099.500	10.772.457	1.4
23	NVL	25/03/2026	13.8	17.684.500	12.749.863	1.39
24	VIB	25/03/2026	17.25	8.611.500	6.230.597	1.38
25	VCG	25/03/2026	21.95	15.458.500	11.465.130	1.35
26	MZG	25/03/2026	13.3	804.800	619.480	1.3
27	GEE	25/03/2026	162.4	961.000	762.943	1.26
28	ORS	25/03/2026	13.2	3.696.100	2.971.377	1.24



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CRC	25/03/2026	10.5	3.324.150	71.39	9.85	6.6
2	CTD	25/03/2026	84.1	779.920	54.91	78.91	6.58
3	DGW	25/03/2026	43.6	2.083.670	45.41	43.42	0.42
4	DPR	25/03/2026	38.95	633.300	43.54	38.79	0.41
5	DRI	25/03/2026	12.6	723.260	45.92	12.49	0.85
6	HDB	25/03/2026	24.09	12.322.550	38.95	23.91	4.14
7	HUT	25/03/2026	16.7	2.591.260	57.49	16.34	2.23
8	KOS	25/03/2026	38.95	515.040	69.71	38.64	0.79
9	MBB	25/03/2026	26	15.485.130	45.33	24.63	5.55
10	MWG	25/03/2026	79.2	7.709.430	42.67	78.44	0.97
11	ORS	25/03/2026	13.2	2.732.520	48.57	13.07	0.98
12	PLX	25/03/2026	41.3	7.068.600	34.27	40.33	2.42
13	POW	25/03/2026	13.35	15.138.950	47.53	12.54	6.42
14	PVP	25/03/2026	14.75	779.630	42.8	14.56	1.34
15	TVN	25/03/2026	8.2	563.420	44.54	8.15	0.61
16	VHC	25/03/2026	58.5	761.360	46.87	57.25	2.19
17	VHM	25/03/2026	104.2	4.630.550	54.56	100.28	3.91
18	VNM	25/03/2026	62.1	4.524.320	45.14	60.71	2.29
19	VPI	25/03/2026	57.9	2.844.360	51.04	55.66	04.02
20	VSC	25/03/2026	23.95	6.232.880	48.68	23.48	1.99



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

### Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AMS	9.3	9	339.130
2	REE	70.9	70.06	1776190

### Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAV	7.1	6.6	944.570
2	CRC	10.5	10.15	3.324.150
3	DVM	7	7	547260
4	GEG	17.15	16.75	3.025.780
5	HDG	30.6	29.85	4.211.240
6	MZG	13.3	13.2	1.102.220
7	PAC	28	26.2	1.458.300
8	PPC	11.15	10.95	1.237.630
9	TTA	12.4	11.8	956.110

### Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	HVA	7.6	7.6	47.840
2	VNS	8.3	8.3	20.990

### Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BSA	20.9	21	18.690
2	DST	7.9	8.1	25.060
3	HVA	7.6	8.9	47.840
4	VNS	8.3	8.4	20.990



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

### Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DGW	43.6	43.42	2.083.670
2	DPR	38.95	38.79	633.300
3	DRI	12.6	12.49	723260
4	HUT	16.7	16.34	2.591.260
5	MWG	79.2	78.44	7.709.430
6	ORS	13.2	13.07	2.732.520
7	PLX	41.3	40.33	7.068.600
8	PVP	14.75	14.56	779.630
9	TVN	8.2	8.15	563.420
10	VHM	104.2	100.28	4630550

### Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BSR	27.5	26.62	23.680.680
2	CII	17.8	17.52	13.552.240
3	IDC	46.8	45.01	2168180
4	IDI	6.91	6.89	849.070
5	NLG	29.3	28.36	4.161.180
6	PVD	34.75	34.33	6.907.880
7	STB	62.2	62.13	10.807.660
8	VCG	21.95	20.74	19.873.590

### Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.8	23.41	13.378.440
2	CEO	16.4	15.75	10.994.000
3	CTD	84.1	82.17	779920
4	DIG	13.8	13.65	10.091.810
5	DLG	2.72	2.66	1.204.720
7	EIB	22.55	22.38	8100320
8	EVF	13.9	13.77	14905820
9	FCN	12.65	12.38	1021340
10	GEE	162.4	159.66	826990
11	GEX	35.6	35.07	6830550
12	GMD	77.2	77.11	1621170
13	HAG	15.95	15.41	5789770
14	HHV	12.1	11.91	7028050
15	HNG	6.1	06.08	1996930
16	HQC	2.62	2.6	3207490
17	IDC	46.8	44.78	2168180
18	IJC	10.35	10.17	1875640
19	MSR	49.7	47.65	3508210
20	PVC	18.2	18.17	3061580
21	VCG	21.95	20.91	19873590
22	VIB	17.25	16.8	5330020
23	VPB	26.3	26.26	16738800



## Cắt xuống đường trung bình MA200

## Cắt xuống đường trung bình MA20

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



## Cắt xuống đường trung bình MA50



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SCG	25/03/2026	64.5	64.2	65.6	2.18	21,880
2	PPT	25/03/2026	15.6	15.3	15.7	2.61	210,900
3	SJD	25/03/2026	14.05	13.7	14.25	04.01	88,540
4	SSB	25/03/2026	16.75	16.3	17	4.29	2,066,420
5	VTZ	25/03/2026	20	19.7	20.6	4.57	1,183,280
6	SBG	25/03/2026	11.6	11.35	11.9	4.85	32,580
7	SBB	25/03/2026	16.1	15.4	16.2	5.19	8,240
8	ODE	25/03/2026	44.1	44	46.3	5.23	17,440
9	MCM	25/03/2026	25.07	25	26.45	5.8	21,020
10	MSB	25/03/2026	11.3	10.9	11.55	5.96	3,993,240
11	BAF	25/03/2026	34.45	33.5	35.5	5.97	2,398,780
12	OCB	25/03/2026	11.2	10.6	11.25	6.13	1,981,460
13	VSH	25/03/2026	43.6	42	44.6	6.19	19,780
14	RYG	25/03/2026	10.95	10.3	11.05	7.28	113,000
15	TAL	25/03/2026	43.8	41.55	44.7	7.58	204,440
16	CLH	25/03/2026	22	20.9	22.5	7.66	7,640
17	ABB	25/03/2026	13.9	13	14	7.69	1,010,960
18	GDT	25/03/2026	19.5	18.75	20.23	7.89	22,200
19	VLS	25/03/2026	16.6	16.2	17.6	8.64	6,400
20	PGB	25/03/2026	12	11.5	12.5	8.7	8,280
21	DRL	25/03/2026	45.6	45	48.95	8.78	6,800
22	ADP	25/03/2026	23	22.22	24.2	8.91	6,100
23	SVT	25/03/2026	11.2	10.6	11.55	8.96	6,940
24	GIC	25/03/2026	10.1	9.8	10.7	9.18	5,680
25	TBC	25/03/2026	36	34.7	37.9	9.22	6,020
26	SBA	25/03/2026	28.8	27.6	30.2	9.42	28,440
27	TNH	25/03/2026	10.25	9.98	10.95	9.72	84,960



**Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư**

**Nguyễn Văn Thanh**

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

**Phân tích cơ bản**

**Nguyễn Kim Dung**

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

**Chiến lược giao dịch**

**Nguyễn Văn Thiệu**

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

**Cam kết phân tích**

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

**Khuyến nghị**

**CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

**CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



## **Tuyên bố trách nhiệm**

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

## **Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha**

### **Hội sở chính**

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

### **Chi nhánh Thanh Hoá**

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009